

PHƯƠNG ÁN

Khai hoang phục hóa, cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa còn lại giai đoạn 2017 - 2020.

Thực hiện Công văn số 3183/SNN&PTNT-TT ngày 14/10/2016 của Sở Nông nghiệp&PTNT Thanh Hóa về việc hướng dẫn khai hoang phục hóa, cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa còn lại giai đoạn 2017 - 2020.

UBND huyện Nga Sơn xây dựng Phương án khai hoang phục hóa, cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết phải xây dựng phương án.

Xây dựng phương án khai hoang phục hóa, cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước nhằm tôn cao đất trồng lúa trũng, thấp, không chủ động tiêu nước chỉ trồng được 1 vụ lúa/năm thành đất trồng 2 vụ lúa/năm; Tăng độ dày của tầng canh tác; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng, tạo lớp đất mặt phù hợp để trồng được 2 vụ lúa/năm; Bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, bón vôi, thau chua, rửa mặn đối với đất bị nhiễm phèn, mặn và các biện pháp cải tạo đất khác góp phần làm tăng độ màu mỡ của đất trồng lúa, bảo vệ môi trường sinh thái. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, thực hiện luân canh, tăng vụ để nâng cao hiệu quả sản xuất. Vì vậy, việc bảo vệ quy hoạch diện tích đất lúa, đồng thời bổ sung diện tích đất lúa đã mất, khai hoang phục hóa, cải tạo và nâng cao chất lượng đất lúa hiện nay đang là vấn đề cấp thiết.

2. Mục tiêu.

- Nhằm bù bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất tại địa phương do chuyển sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp.

- Cải tạo đất để tái tạo, bổ sung nguồn dinh dưỡng bị mất đi do quá trình canh tác, đất bị bạc màu do sử dụng nhiều phân hóa học và ngày càng cạn kiệt dinh dưỡng dẫn tới năng suất cây trồng ngày càng giảm. Do đó cải tạo đất để tái tạo lại nguồn dinh dưỡng ban đầu, khôi phục lại hệ sinh thái đất, cân bằng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng đất lúa, tạo hiệu quả cao sản xuất và phát triển nông nghiệp bền vững.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ LẬP PHƯƠNG ÁN

Căn cứ Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 30/2013/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc xây dựng phương án sử dụng lớp đất mặt và bù bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển mục đích sử dụng;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT, ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

III. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT LÚA

1. Tình hình sản xuất lúa.

Theo thống kê, trên địa bàn huyện có 9.389,5 ha diện tích đất nông nghiệp. Trong đó: Diện tích đất lúa 5.474,66 ha, chiếm 58,3%; đất cói 1.366,64 ha, chiếm 14,55%; đất màu 590 ha; đất khác 1.958,2 ha (gồm đất nuôi trồng thủy sản và trang trại tổng hợp...), chiếm 20,85%.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, sản xuất nông nghiệp của huyện Nga Sơn đã có nhiều chuyển biến tích cực. Huyện ủy, UBND huyện đã quan tâm đầu tư nghiên cứu, tìm giải pháp chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Trên cơ sở tiềm năng đất đai, kinh nghiệm thực tiễn của nông dân và học tập kinh nghiệm chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở các huyện, tỉnh bạn. Nhiều diện tích đất hai lúa kém hiệu quả ở vùng sâu trung đã được chuyển sang mô hình trang trại, mô hình lúa - cá; lúa - cá - vịt; mô hình trang trại tổng hợp,... Một số diện tích lúa màu chuyển đổi sang đất chuyên màu, bố trí sản xuất các cây rau màu có giá trị kinh tế cao như: cây thuốc lá, cây lạc, cây ăn quả, phát triển trang trại tổng hợp,... đã quy hoạch vùng đất xấu, đất xa kém hiệu quả sang đầu tư xây dựng trang trại công nghiệp. Thông qua việc chuyển đổi đã ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật thâm canh cây trồng; tiến bộ về giống lúa (sử dụng bộ giống có tiềm năng, năng suất, chất lượng vào sản xuất như: VT404, Quốc tế 1, Syn 6, Thơm RVT, BT7,...) Bố trí cơ cấu mùa vụ hợp lý nhằm tăng năng suất, né tránh các đợt cao điểm của sâu bệnh, rủi ro do thiên tai gây ra, tạo điều kiện hình thành nhiều vùng sản xuất cây hàng hóa nâng cao giá trị cho nông dân. Năng suất lúa bình quân toàn huyện cả năm đạt 60,1 tạ/ha, góp phần ổn định tổng sản lượng lương thực có hạt.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, hạn hán, rét đậm, rét hại; dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi diễn biến phức tạp, khó lường; Lao động trong nông nghiệp có sự dịch chuyển mạnh mẽ; Ruộng đất manh mún, nông dân bỏ ruộng, trả ruộng ngày càng tăng, lợi nhuận từ trồng lúa thấp và không ổn định,... là những nguyên nhân gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp hiện nay.

IV. NỘI DUNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP

Địa hình của đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn huyện thuộc nhiều loại đất khác nhau như: đất sâu trũng, đất vùn và vùn cao, ngoài lùn, tính chất nông hóa của đất thuộc loại đất chua và đất ít chua. Khả năng hấp thu dinh dưỡng của đất thuộc loại trung bình.

1. Giải pháp cải tạo chất lượng đất chuyên trồng lúa nước.

- Thủy lợi là biện pháp kỹ thuật quan trọng hàng đầu trong biện pháp cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa của địa phương. Việc tưới tiêu nước chủ động, khoa học bằng một hệ thống kênh mương hoàn chỉnh nhằm cải tạo độ phì đối với đất bạc màu, cải thiện được đặc tính lý hóa của đất trồng lúa. Theo đó, ngày 28/7/2016 UBND huyện đã Ban hành Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND về việc ban hành Đề án đầu tư, củng cố, nâng cấp và quản lý công trình thủy lợi nội đồng trên địa bàn huyện Nga Sơn, giai đoạn 2017 - 2020.

- Biện pháp bón phân hữu cơ cho đất: Tăng cường bón lót bằng phân xanh, phân chuồng hoai mục, phân vi sinh, bón vôi để cải tạo độ chua phèn và tăng độ phì cho đất.

- Bố trí cơ cấu giống phù hợp cho từng chân đất, từng loại giống cây trồng, mùa vụ. Giảm chi phí đầu tư, nâng cao được chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Xác định chế độ canh tác, chăm bón khoa học cho từng loại giống, từng loại đất. Tiếp tục thực hiện công tác khuyến nông, đổi mới phương pháp chuyển giao kỹ thuật đến từng hộ nông dân trong vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng. Đồng thời, xây dựng mô hình sản xuất áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật như: tiến bộ giống mới; áp dụng mạnh mẽ cơ giới hóa đồng bộ vào trong sản xuất nông nghiệp nhằm giảm áp lực về lao động khi bước vào vụ sản xuất.

- Tranh thủ cơ chế, chính sách hỗ trợ của nhà nước, tuyên truyền vận động các chủ hộ có điều kiện kinh tế đầu tư mua sắm máy gặt đập liên hợp, máy làm đất; dịch vụ hàng hóa vật tư nông nghiệp đáp ứng phục vụ nhân dân.

2. Quy mô, địa điểm thực hiện.

Tổ chức cải tạo diện tích trồng lúa trên địa bàn toàn huyện. Tổ chức san gạt cải tạo độ đồng đều mặt ruộng, bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, vôi bột, quy mô: 1.130 ha.

3. Phân kỳ thực hiện.

- **Năm 2016:** San gạt, cải tạo mặt ruộng 68 ha, ở các xã Nga Yên, Nga Thạch bằng cách dùng máy ủi, máy mức kết hợp chuyển đất từ chỗ cao bồi chỗ trũng. Để đảm bảo độ màu của đất, các khu ruộng ở những khu cao dùng máy mức cứ cách 3 m mức 1 đường rộng từ 0,4 hoặc 0,7m, độ sâu từ 0,2 đến 0,3m, sau đó cào san rãnh vừa mức. Sau khi san ủi dùng máy cày trung cày lật đất kết hợp bón phân hữu cơ, phân vi sinh, vôi bột để cải tạo tính chất lý hóa của đất.

- **Năm 2017:** Cải tạo 237 ha, tại các xã Ba Đình, Nga Vịnh, Nga Thắng, Nga Lĩnh,... bằng cách bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, vôi bột.

- **Năm 2018:** Cải tạo 355 ha, tại các xã Nga Tiến, Nga Thái, Nga Phú,... bằng cách bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, vôi bột.

- **Năm 2019:** San ủi, cải tạo 281 ha, tại các xã Nga Trường, Nga Văn, Nga Giáp, Nga Thành, Nga Lĩnh, Nga Nhân,... chuyển đất từ chỗ cao bồi chỗ trũng, bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, vôi bột để tăng độ phì nhiêu, cải tạo đất.

- **Năm 2020:** Cải tạo 189 ha, tại các xã Nga Thiện, Nga Điền, Nga An,... bằng cách bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, vôi bột đất để cải tạo đất.

(Có phụ biểu kèm theo)

4. Kinh phí thực hiện.

4.1. Nội dung chi:

- Năm 2016: San gạt mặt ruộng, cải tạo 68 ha, ở các xã Nga Yên, Nga Thạch bằng cách dùng máy ủi, máy mức kết hợp chuyển đất từ chỗ cao bồi chỗ trũng, kết hợp bón phân hữu cơ, phân vi sinh, vôi bột để cải tạo đất.

Định mức cải tạo:

+ San gạt mặt ruộng bằng máy ủi 108 CV, máy mức 120 CV với định mức: $01 \text{ m}^3 \times 10.730 \text{ đồng/ m}^3$. Bón phân cải tạo với định mức 6.800.000 đồng/ha:

+ Phân hữu cơ vi sinh: $1.000 \text{ kg/ha} \times 2.700 \text{ đ/kg} = 2.700.000 \text{ đ}$;

+ Vôi bột: $500 \text{ kg/ha} \times 1.800 \text{ đ/kg} = 900.000 \text{ đ}$;

+ Ph đất: $1.000 \text{ kg/ha} \times 3.200 \text{ đ/kg} = 3.200.000 \text{ đồng}$.

- Năm 2017: Cải tạo 237 ha đất nhiễm chua phèn bằng cách bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, vôi bột và độ chua đất cần phải cải tạo đất chua phèn.

Định mức kinh tế kỹ thuật để cải tạo cho 01 ha đất lúa bị nhiễm chua phèn: 6.800.000 đồng/ha:

+ Phân hữu cơ vi sinh: $1.000 \text{ kg/ha} \times 2.700 \text{ đ/kg} = 2.700.000 \text{ đ}$;

+ Vôi bột: $500 \text{ kg/ha} \times 1.800 \text{ đ/kg} = 900.000 \text{ đ}$;

+ Ph đất: $1.000 \text{ kg/ha} \times 3.200 \text{ đ/kg} = 3.200.000 \text{ đồng}$.

Tổng kinh phí thực hiện năm 2017:

$6.800.000 \text{ đồng/ha} \times 237 \text{ ha} = 1.611.600.010 \text{ đồng}$

- Năm 2018: Cải tạo 355 ha đất nhiễm chua phèn bằng cách bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, vôi bột và độ chua đất cần phải cải tạo đất chua phèn.

Tổng kinh phí thực hiện năm 2018:

$$6.800.000 \text{ đồng/ha} \times 355 \text{ ha} = 2.414.000.010 \text{ đồng}$$

- Năm 2019: Cải tạo 281 ha đất nhiễm chua phèn bằng cách bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, vôi bột và độ chua đất cần phải cải tạo đất chua phèn.

Tổng kinh phí thực hiện năm 2019:

$$6.800.000 \text{ đồng/ha} \times 281 \text{ ha} = 1.910.800.000 \text{ đồng}$$

- Năm 2020: Cải tạo 189 ha đất nhiễm chua phèn bằng cách bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, vôi bột và độ chua đất cần phải cải tạo đất chua phèn.

Kinh phí thực hiện năm 2020:

$$6.800.000 \text{ đồng/ha} \times 149 \text{ ha} = 1.285.200.000 \text{ đồng}$$

4.2. Nguồn kinh phí: Theo quy định tại Quyết định số: 2721/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định mức thu và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp & PTNT:

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban ngành có liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Phương án, giai đoạn 2017 - 2020; hàng năm tổng hợp kế hoạch khai hoang, phục hóa, cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại báo cáo UBND huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh, UBND tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với UBND các xã và các phòng ban ngành có liên quan tổ chức khai hoang, phục hóa, cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại đạt hiệu quả theo kế hoạch đã đề ra.

- Phối hợp với UBND các xã, thị trấn kiểm tra, nghiệm thu việc thực hiện phương án đã được xét duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

- Hàng năm tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT kết quả khai hoang, phục hóa, cải tạo đất trồng lúa trũng, thấp hoặc không bằng phẳng: độ đất tôn cao nền ruộng, tăng độ bằng phẳng mặt ruộng của các địa phương trong huyện.

2. Phòng Tài nguyên và MT:

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn UBND các xã, thị trấn xây dựng quy hoạch, sử dụng đúng mục đích đất sản xuất lúa; thẩm định, đánh giá tác động môi trường và các tiêu chí về môi trường của các đề án, dự án.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT và các ngành có liên quan hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước để thực hiện các

cơ chế, chính sách có liên quan đến khai hoang, phục hóa, cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Trực tiếp triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch và phương án khai hoang, phục hóa, cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại giai đoạn 2017 - 2020 và hàng năm theo đúng quy định của Pháp luật;

- Xác định vị trí, diện tích thửa đất cần khai hoang, phục hóa và đất lúa khác cần được cải tạo thành đất chuyên trồng lúa nước để bù diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất khi được chuyển mục đích sử dụng.

- Xác định vị trí, diện tích thửa đất, khoanh đất trồng lúa kém chất lượng hoặc đất trồng trọt khác cần được cải tạo bằng việc sử dụng lớp đất mặt được bóc từ đất chuyên trồng lúa nước khi được chuyển mục đích sử dụng;

- Thường xuyên báo cáo kết quả triển khai, thực hiện với UBND huyện, Phòng Nông nghiệp và PTNT và các ngành có liên quan của huyện.

5. Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:

Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ Quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách của các cấp, các ngành; có kế hoạch tổ chức các hoạt động tuyên truyền và vận động đông đảo quần chúng nhân dân tham gia Phương án đạt kết quả. /.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT, NN&PTNT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Thịnh Văn Huyền

Phụ biểu: KẾ HOẠCH CẢI TẠO ĐẤT TRỒNG LÚA GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo công văn số /PA-UBND, ngày tháng năm 2017 của UBND huyện Nga Sơn)

Đơn vị tính: ha

| T T | Đơn vị | Phân kỳ cải tạo | | | | | Tổng DT cải tạo |
|-------------|------------|-----------------|------------|------------|------------|------------|-----------------------|
| | | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | |
| 1 | Thị Trấn | | | | | | |
| 2 | Ba Đình | | 105 | 61 | | 25 | 191 |
| 3 | Nga Vịnh | | 40 | | 13 | | 53 |
| 4 | Nga Thắng | | 55 | | | | 55 |
| 5 | Nga Văn | | | 33 | 38 | 26 | 97 |
| 6 | Nga Trường | | | | 25 | 37 | 62 |
| 7 | Nga Thiện | | | | 35 | 29 | 64 |
| 8 | Nga Điền | | | | 48 | 34 | 82 |
| 9 | Nga Phú | | | 65 | | | 65 |
| 10 | Nga An | | | 57 | | 27 | 84 |
| 11 | Nga Thành | | | | 27 | | 27 |
| 12 | Nga Giáp | | | 25 | 34 | | 59 |
| 13 | Nga Hải | | | | 46 | | 46 |
| 14 | Nga Yên | 50 | | | | | 50 |
| 15 | Nga Lĩnh | | 37 | | 15 | 11 | 63 |
| 16 | Nga Nhân | | | | | | |
| 17 | Nga Trung | | | | | | |
| 18 | Nga Mỹ | | | | | | |
| 19 | Nga Hưng | | | | | | |
| 20 | Nga Thạch | 18 | | | | | 18 |
| 21 | Nga Bạch | | | | | | |
| 22 | Nga Thanh | | | | | | |
| 23 | Nga Thủy | | | | | | |
| 24 | Nga Tân | | | | | | |
| 25 | Nga Tiến | | | 35 | | | 35 |
| 26 | Nga Liên | | | | | | |
| 27 | Nga Thái | | | 79 | | | 79 |
| Tổng | | 68 | 237 | 355 | 281 | 189 | 1.130 |